TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Ông Đặng Xuân Tư.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST- HNGĐ ngày 05/8/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lù Văn N**; Sinh ngày: 20/7/1998; Số căn cước công dân: 014098000561; Nơi cư trú: Bản B, xã Q, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Cà Thị T**; Sinh ngày: 27/8/2000; Số căn cước công dân: 014300000655; Nơi cư trú: Bản B, xã Q, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2025, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt tại Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La. Nguyên đơn anh Lù Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Cà Thị T kết hôn với nhau từ ngày 21/9/2018 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện đã ly thân năm 2023 từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh N nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La giải quyết cho chị được ly hôn chị Cà Thị T.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Lù Gia H, sinh ngày 02/8/2018 và cháu Lù Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020. Nay ly hôn nguyện vọng của anh N là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh N không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn anh N đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Lù Văn N: Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn chị Cà Thị T: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81,

Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Lù Văn N được ly hôn với chị Cà Thị T.

- *Về con chung:* Giao cháu Lù Gia H, sinh ngày 02/8/2018 và cháu Lù Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020 cho anh Lù Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Cà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Anh Lù Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn anh Lù Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- ***Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Lù Văn N:*** Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- ***Về sự vắng mặt của bị đơn chị Cà Thị T:*** Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Anh Lù Văn N và chị Cà Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 21/9/2018 tại UBND xã C, huyện Q (Nay là xã Q), tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh N và chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện đã ly thân từ năm 2023 từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh

N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T và anh N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh N ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Lù Gia H, sinh ngày 02/8/2018 và cháu Lù Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020. Nay ly hôn nguyện vọng của anh N là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cho đến khi các cháu trưởng thành. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét anh N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe và thu nhập để nuôi con, có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cà Thị T không có mặt tại Toà án để trình bày lời khai, trình bày ý kiến về việc người trực tiếp nuôi con chung. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lù Gia H và cháu Lù Thị Nhã U cho anh Lù Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu có những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án: Anh Lù Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lù Văn N được ly hôn với chị Cà Thị T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lù Gia H, sinh ngày 02/8/2018 và cháu Lù Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020 cho anh Lù Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Anh Lù Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0000159, ngày 05/8/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lù Văn N, chị Cà Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La(02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã Q, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải